

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

KT3-03307BCK0/1

24/09/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu: **KẸP BIÊN (KẸP BÌA, KẸP CUỐI)**
Name of sample **HÃNG SX: SAMETEL**
2. Số lượng mẫu : **01**
Quantity
3. Mô tả mẫu : **Xem hình**
Sample description **See figure**
4. Ngày nhận mẫu: **16/09/2020**
Date of receiving
5. Ngày thử nghiệm: **23/09/2020**
Date of testing
6. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**
Customer **KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
SAMETEL CORPORATION
Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam
7. Điều kiện thử nghiệm: **- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s**
Test condition **Crosshead speed in tensile test before yielding**
- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
Crosshead speed in tensile test after yielding
8. Phương pháp thử: **ISO 2360: 2017; ASTM A 1087/A 1087M-16**
Test method **ASTM B 557M-15**
9. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/03...03/03**
Test results **See pages**

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.

Phạm Văn Út

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Tấn Tùng



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

24/09/2020

Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
A. NGOẠI QUAN/ VISUAL	Bề mặt mẫu trơn nhẵn / The surface is smooth
B. KÍCH THƯỚC/DIMENSION	
• W1 mm	19,5
• W2 mm	15,0
• H1 mm	36,6
• H2 mm	10,6
• T mm	3,52
C. THỬ LỚP PHỦ /COATING TEST	
9.1. Chiều dày trung bình lớp phủ anốt Average of anode coating thickness μm	10
D. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.2. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử Dimension of section across specimen mm	12,5 x 3,50
9.3. Giới hạn chảy R _{P0,2} Yield strength MPa	246
9.4. Giới hạn bền kéo Tensile strength MPa	282
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (*) Elongation after fracture %	11,0

Ghi chú/Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu / Original gage length L₀ = 50 mm

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/1

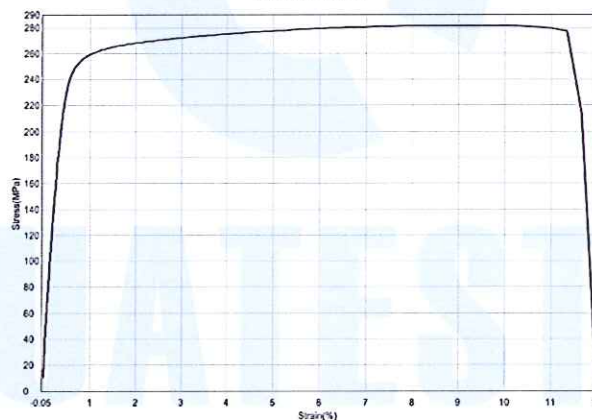
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 03/03



THỬ KEO NHOM



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu: **MINI RAIL H50**
Name of sample
2. Số lượng mẫu: **01**
Quantity
3. Mô tả mẫu: **Xem hình**
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: **16/09/2020**
Date of receiving
5. Ngày thử nghiệm: **23/09/2020**
Date of testing
6. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SAMETEL CORPORATION
Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam
7. Điều kiện thử nghiệm: **- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s**
Test condition **Crosshead speed in tensile test before yielding**
- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
Crosshead speed in tensile test after yielding
8. Phương pháp thử: **ISO 2360: 2017; ASTM A 1087/A 1087M-16**
Test method **ASTM B 557M-15**
9. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/03...03/03**
Test results **See pages**

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.


Nguyễn Tấn Tùng

KT3-03307BCK0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Specification</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
<u>A. NGOẠI QUAN/ VISUAL</u>	Bề mặt mẫu trơn nhẵn / <i>The surface is smooth</i>
<u>B. KÍCH THƯỚC/DIMENSION</u>	
• W mm	55,0
• H mm	50,0
• T mm	2,89
<u>C. THỬ LỚP PHỦ /COATING TEST</u>	
9.1. Chiều dày trung bình lớp phủ anốt <i>Average of anode coating thickness</i>	10 μm
<u>D. THỬ KÉO / TENSILE TEST</u>	
9.2. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử <i>Dimension of section across specimen</i>	12,5 x 1,776 mm
9.3. Giới hạn chảy R _{p0,2} <i>Yield strength</i>	201 MPa
9.4. Giới hạn bền kéo <i>Tensile strength</i>	230 MPa
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (*) <i>Elongation after fracture</i>	10,0 %

Ghi chú/Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu / *Original gage length L₀ = 50 mm*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

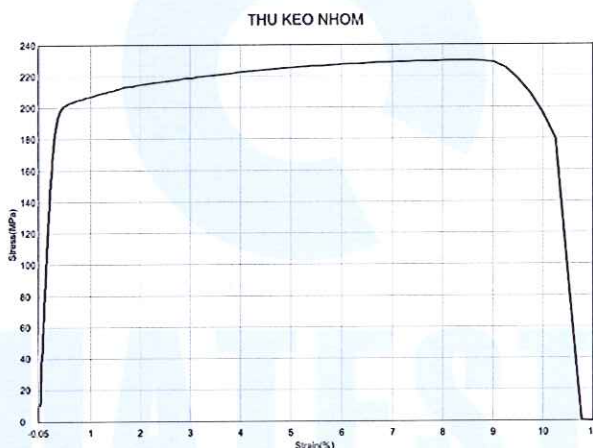
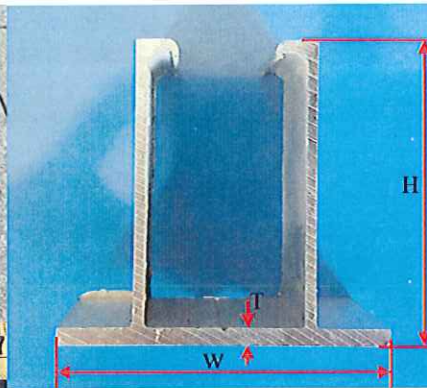
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 03/03



[Handwritten signature]

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu: **PAD NÓI THANH RAIL 2,1 m**
Name of sample
2. Số lượng mẫu: **01**
Quantity
3. Mô tả mẫu: **Xem hình**
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: **16/09/2020**
Date of receiving
5. Ngày thử nghiệm: **23/09/2020**
Date of testing
6. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SAMETEL CORPORATION
Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam
Customer
7. Điều kiện thử nghiệm: **- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s**
Test condition **Crosshead speed in tensile test before yielding**
- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
Crosshead speed in tensile test after yielding
8. Phương pháp thử: **ISO 2360: 2017; ASTM A 1087/A 1087M-16**
Test method **ASTM B 557M-15**
9. Kết quả thử nghiệm: **Xem trang 02/03...03/03**
Test results **See pages**

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Ut

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.


Nguyễn Tấn Tùng

KT3-03307BCK/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020
 Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Specification</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
A. NGOẠI QUAN/ VISUAL	Bề mặt mẫu trơn nhẵn / <i>The surface is smooth</i>
B. KÍCH THƯỚC/DIMENSION	
• W mm	32,0
• T mm	3,86
C. THỬ LỚP PHỦ /COATING TEST	
9.1. Chiều dày trung bình lớp phủ anốt <i>Average of anode coating thickness</i> μm	9
D. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.2. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử <i>Dimension of section across specimen</i> mm	6,18 x 3,87
9.3. Giới hạn chảy R _{p0,2} <i>Yield strength</i> MPa	235
9.4. Giới hạn bền kéo <i>Tensile strength</i> MPa	284
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (*) <i>Elongation after fracture</i> %	13,2

Ghi chú/Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu / *Original gage length L₀ = 25 mm*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

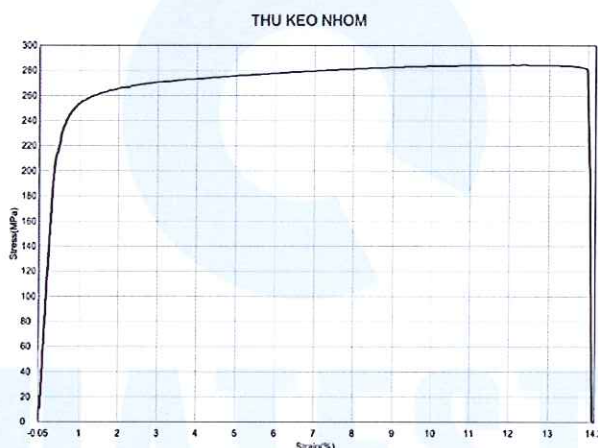
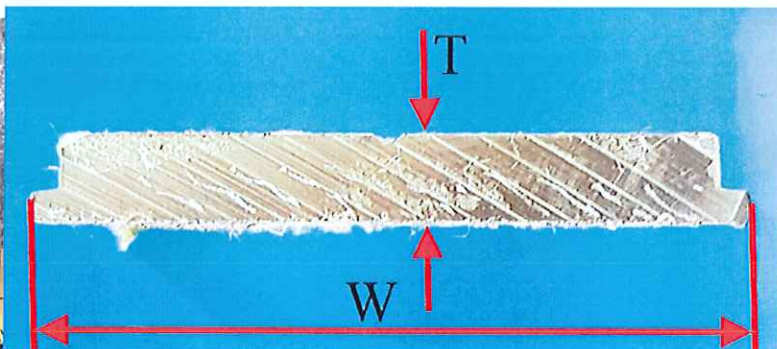
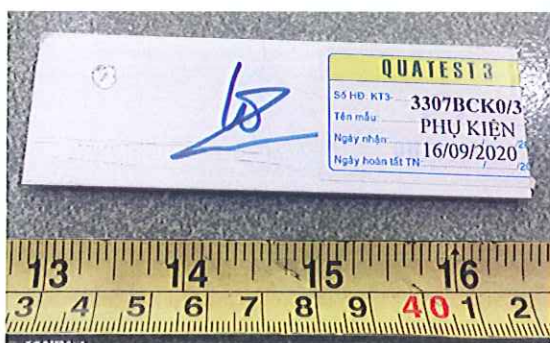
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 03/03



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

24/09/2020
Page 01/03

- | | |
|---|--|
| 1. Tên mẫu:
<i>Name of sample</i> | PAD L |
| 2. Số lượng mẫu :
<i>Quantity</i> | HÃNG SX: SAMETEL
01 |
| 3. Mô tả mẫu :
<i>Sample description</i> | Xem hình
<i>See figure</i> |
| 4. Ngày nhận mẫu:
<i>Date of receiving</i> | 16/09/2020 |
| 5. Ngày thử nghiệm:
<i>Date of testing</i> | 23/09/2020 |
| 6. Nơi gửi mẫu:
<i>Customer</i> | CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SAMETEL CORPORATION
Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam |
| 7. Điều kiện thử nghiệm:
<i>Test condition</i> | - Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s
<i>Crosshead speed in tensile test before yielding</i>
- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
<i>Crosshead speed in tensile test after yielding</i> |
| 8. Phương pháp thử:
<i>Test method</i> | ISO 2360: 2017; ASTM A 1087/A 1087M-16
ASTM B 557M-15 |
| 9. Kết quả thử nghiệm:
<i>Test results</i> | Xem trang 02/03...03/03
<i>See pages</i> |

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.


Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Specification</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
<u>A. NGOẠI QUAN/ VISUAL</u>	Bề mặt mẫu trơn nhẵn / <i>The surface is smooth</i>
<u>B. KÍCH THƯỚC/DIMENSION</u>	
• W mm	39,9
• H mm	84,1
• T mm	6,48
<u>C. THỬ LỚP PHỦ /COATING TEST</u>	
9.1. Chiều dày trung bình lớp phủ anốt <i>Average of anode coating thickness</i>	12 μm
<u>D. THỬ KÉO / TENSILE TEST</u>	
9.2. Đường kính mẫu thử <i>Diameter of specimen</i>	4,01 mm
9.3. Giới hạn chảy R _{P0,2} <i>Yield strength</i>	228 MPa
9.4. Giới hạn bền kéo <i>Tensile strength</i>	263 MPa
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (*) <i>Elongation after fracture</i>	10,0 %

Ghi chú/Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu / *Original gage length L₀ = 16 mm*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

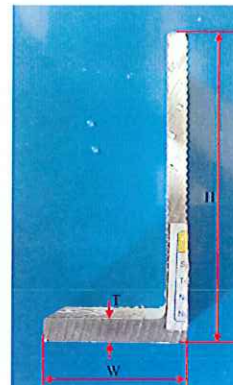
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/4

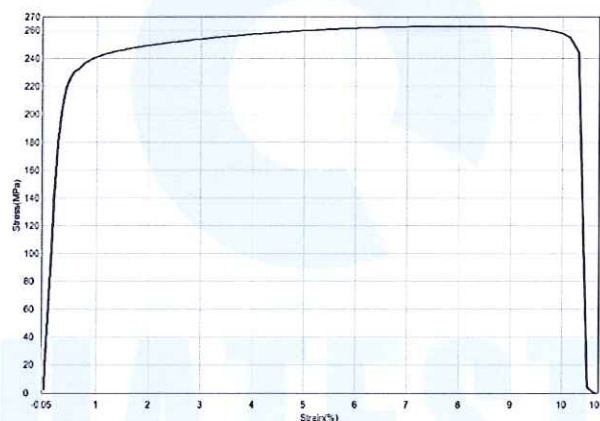
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 03/03



THỬ KÉO NHOM



[Handwritten signature]

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu đo khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

24/09/2020

Page 01/03

- | | |
|---|--|
| 1. Tên mẫu:
<i>Name of sample</i> | KẸP KLIPLOK LOẠI RAIL |
| 2. Số lượng mẫu :
<i>Quantity</i> | HÃNG SX: SAMETEL
01 |
| 3. Mô tả mẫu :
<i>Sample description</i> | Xem hình
<i>See figure</i> |
| 4. Ngày nhận mẫu:
<i>Date of receiving</i> | 16/09/2020 |
| 5. Ngày thử nghiệm:
<i>Date of testing</i> | 23/09/2020 |
| 6. Nơi gửi mẫu:
<i>Customer</i> | CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SAMETEL CORPORATION
Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam |
| 7. Điều kiện thử nghiệm:
<i>Test condition</i> | - Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s
<i>Crosshead speed in tensile test before yielding</i>
- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
<i>Crosshead speed in tensile test after yielding</i> |
| 8. Phương pháp thử:
<i>Test method</i> | ISO 2360: 2017; ASTM A 1087/A 1087M-16
ASTM B 557M-15 |
| 9. Kết quả thử nghiệm:
<i>Test results</i> | Xem trang 02/03...03/03
<i>See pages</i> |

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.



Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

24/09/2020

Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
A. NGOẠI QUAN/ VISUAL	Bề mặt mẫu trơn nhẵn / The surface is smooth
B. KÍCH THƯỚC/DIMENSION	
• W mm	39,9
• H mm	76,0
• T mm	3,81
C. THỬ LỚP PHỦ /COATING TEST	
9.1. Chiều dày trung bình lớp phủ anốt Average of anode coating thickness μm	13
D. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.2. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử Dimension of section across specimen mm	12,5 x 3,81
9.3. Giới hạn chảy R _{p0,2} Yield strength MPa	234
9.4. Giới hạn bền kéo Tensile strength MPa	271
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (*) Elongation after fracture %	11,8

Ghi chú/Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu / Original gage length L₀ = 50 mm

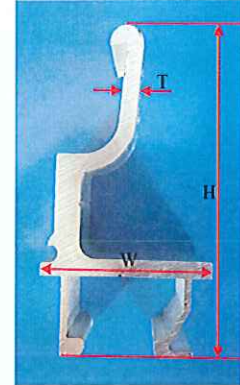
1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/5

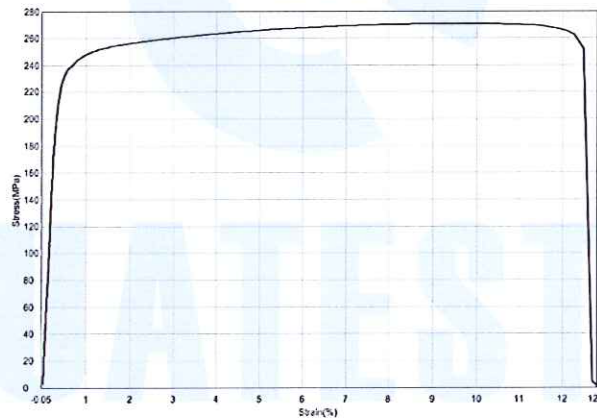
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 03/03



THỬ KEO NHOM



[Handwritten signature]

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu: **KẸP KLIPLOK LOẠI BẢNG**
Name of sample
2. Số lượng mẫu: **HẰNG SX: SAMETEL**
Quantity
3. Mô tả mẫu: **01**
Sample description
4. Ngày nhận mẫu: **Xem hình**
Date of receiving
5. Ngày thử nghiệm: **See figure**
Date of testing
6. Nơi gửi mẫu: **16/09/2020**
Customer
7. Điều kiện thử nghiệm: **CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**
Test condition
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SAMETEL CORPORATION
Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward, Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam
8. Phương pháp thử: **- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s**
Test method
ISO 2360: 2017; ASTM A 1087/A 1087M-16
ASTM B 557M-15
9. Kết quả thử nghiệm: **- Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min**
Test results
Xem trang 02/03...03/03
See pages

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020
Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Kết quả thử nghiệm Test result
A. NGOẠI QUAN/ VISUAL	Bề mặt mẫu trơn nhẵn / The surface is smooth
B. KÍCH THƯỚC/DIMENSION	
• W mm	39,9
• H mm	59,2
• T mm	3,86
C. THỬ LỚP PHỦ /COATING TEST	
9.1. Chiều dày trung bình lớp phủ anốt Average of anode coating thickness μm	10
D. THỬ KÉO / TENSILE TEST	
9.2. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử Dimension of section across specimen mm	12,5 x 3,86
9.3. Giới hạn chảy R _{p0,2} Yield strength MPa	252
9.4. Giới hạn bền kéo Tensile strength MPa	282
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt (*) Elongation after fracture %	12,4

Ghi chú/Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu / Original gage length L₀ = 50 mm

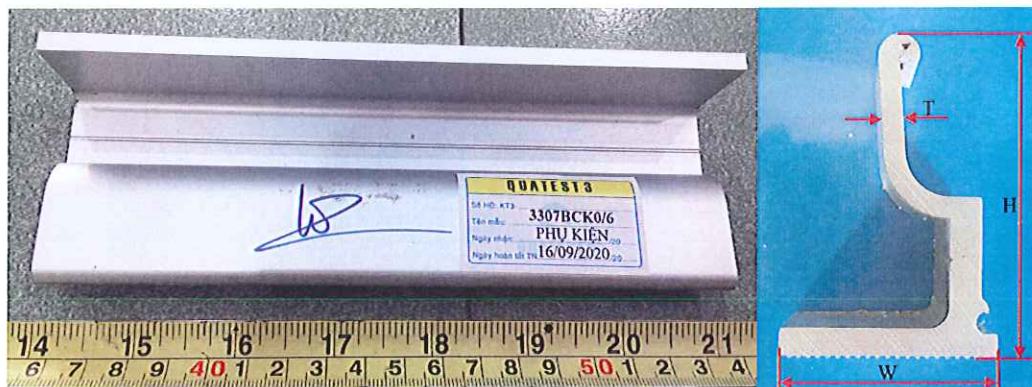
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03307BCK0/6

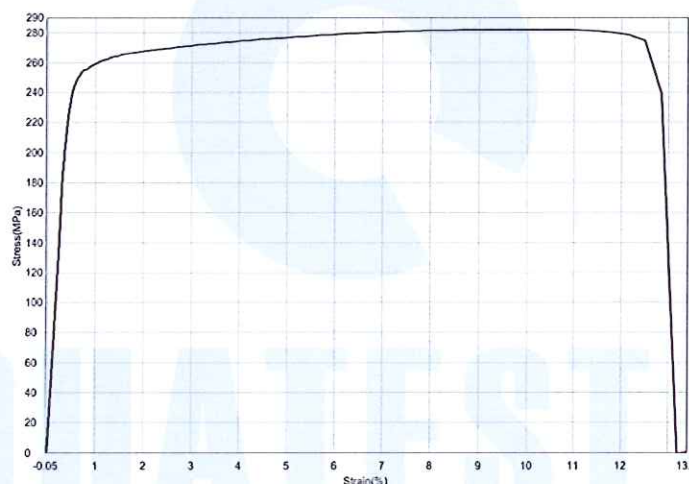
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 03/03



THU KEO NHOM



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03308BCK0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu:
Name of sample

PHỤ KIỆN CƠ KHÍ LẮP PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI
HÃNG SẢN XUẤT: SAMETEL

2. Số lượng mẫu :
Quantity

01

3. Mô tả mẫu :
Sample description

Xem hình
See figure



4. Ngày nhận mẫu:
Date of receiving

16/09/2020

5. Ngày thử nghiệm:
Date of testing

21/09/2020 đến/ to 23/09/2020

6. Nơi gửi mẫu:
Customer

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL
KCN Long Thành, Đường số 1, Xã Tam An, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SAMETEL CORPORATION

Long Thanh Industrial Zone, Road No 1, Tam An Ward,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Viet Nam

7. Điều kiện thử nghiệm:
Test condition

- Tốc độ biến dạng khi thử kéo trước khi chảy: 7 MPa/s
Crosshead speed in tensile test before yielding
 - Tốc độ biến dạng khi thử kéo sau khi chảy: 20 mm/min
Crosshead speed in tensile test after yielding

8. Phương pháp thử:
Test method

JIS H 8681-2 (1999); ASTM E 384-16; ASTM E 1251-17
 ASTM B 557M-15

9. Kết quả thử nghiệm:
Test results

Xem trang 02/03...03/03
See pages

TRƯỞNG PTN CƠ KHÍ
HEAD OF MECHANICAL TESTING LAB.


Phạm Văn Út

TL.GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.


Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03308BCK0

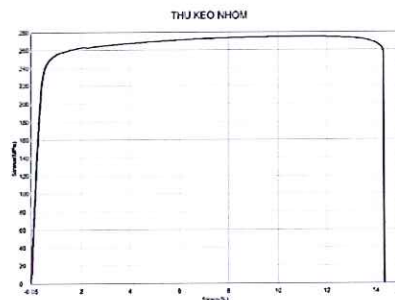
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020
 Page 02/03

9. Kết quả thử nghiệm/ Test results

Tên chỉ tiêu Specification	Mức chất lượng theo Criteria to 6005 T5 ASTM B 221M-10	Kết quả thử nghiệm Test result	Nhận xét Comment
A. THỬ ĐỘ CỨNG/HARDNESS TEST			
9.1. Độ cứng trung bình, Average of hardness HV5	-	96,1	-
B. THỬ KÉO / TENSILE TEST			
9.2. Kích thước mặt cắt ngang mẫu thử Diameter of section across specimen mm	-	12,5 x 3,81	-
9.3. Giới hạn chảy/ Yield strength $R_{p0,2}$ MPa	min 240	243	PH
9.4. Giới hạn bền kéo/ Tensile strength MPa	min 260	275	KH
9.5. Độ giãn dài tương đối sau khi đứt(*) Elongation after fracture %	min 10	13,6	PH
C. THÀNH PHẦN HÓA HỌC			
CHEMICAL COMPOSITION			
9.6. Hàm lượng/ Content % (m/m)			
• Nhôm/ Aluminum (Al)	Remainder	98,59	-
• Silic/ Silicon (Si)	0,60 - 0,90	0,63	PH
• Sắt/ Iron (Fe)	max 0,35	0,15	PH
• Đồng/ Copper (Cu)	max 0,10	0,02	PH
• Mangan/ Manganese (Mn)	max 0,10	0,02	PH
• Magiê/ Magnesium (Mg)	0,40 - 0,60	0,52	PH
• Crôm/ Chromium (Cr)	max 0,10	0,01	PH
• Kẽm/ Zinc (Zn)	max 0,10	0,02	PH
• Titan/ Titanium (Ti)	max 0,10	0,02	PH

Ghi chú/ Notice : (*) Chiều dài tính toán ban đầu lo/ Original gage length : 50 mm
 PH: Phù hợp/ Conform; KPH: Không phù hợp/ Conform



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
 Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03308BCK0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24/09/2020
 Page 03/03

Điều kiện thử nghiệm :

Test condition

- Thành phần dung dịch muối / *Salt composition*
 - + Muối clorua natri / *Sodium chloride* : 5 %
 - + Nước cất / *Distilled water* : 95 %
 - + Đồng clorua / *Copper (II) chloride* : 0,26 g/ lít
 - + Axit acetic / *Acetic acid* : 100 ml
 - + Nước cất / *Distilled water* : 95 %
- Độ pH của dung dịch muối / *pH of salt solution* : 3,0
- Nhiệt độ của buồng muối / *Temperature in the salt cabinet* : 48 °C - 52 °C
- Phương pháp làm sạch mẫu / *Method of specimen cleaning*
 - + Trước khi thử nghiệm / *Before testing* : Nước / *Water*
 - + Sau khi thử nghiệm / *After testing* : Nước / *Water*
- Thể tích phun của dung dịch muối / *Spray volume of salt solution* : 1,5 mL/h/80 cm²
- Áp suất phun / *Air supply pressure* : 1 kgf/cm²

9. Kết quả thử nghiệm:

Test results

Tên chỉ tiêu/ <i>Specification</i>	Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i>
D. THỬ PHUN SƯƠNG MUỐI (CASS) <u>SALT SPRAY TESTING</u>	
9.7. Thời gian phun <i>Exposure period</i>	h 48
9.8. Tình trạng mẫu sau khi thử <i>Sample status after testing</i>	Không phát hiện ăn mòn <i>Free from corrosions</i>
9.9. Đánh giá tình trạng bề mặt mẫu theo <i>Evaluation specimen surface to</i> JIS H 8681-2 (1999)	
• Cấp bảo vệ ăn mòn / <i>Protection rating</i>	10



Trước khi thử phun sương muối



Sau khi thử phun sương muối 48h

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.